

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐỐI VỚI NỮ LAO ĐỘNG DI CƯ TRẺ TUỔI Ở KHU VỰC VEN BIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Thị Ánh Nguyệt^{1*}, Lê Thị Hoa Sen¹,
Hoàng Dũng Hà¹, Tsutsui Kazunobu², Bùi Thị Thu², Đỗ Thị Việt Hương²

¹Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

²Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*Tác giả liên hệ: tranthianhnguyet@huanf.edu.vn

Ngày nhận bài: 17.04.2023

Ngày chấp nhận đăng: 04.08.2023

TÓM TẮT

Đại dịch Covid-19 đã gây tác động nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống của người dân. Lao động di cư quay trở về địa phương khi có lệnh giãn cách trong thời gian dịch xảy ra được xem là một trong những nhóm đối tượng bị tổn thương nhất do tác động của đại dịch Covid-19, đặc biệt là nữ lao động di cư trẻ tuổi. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu những tác động của đại dịch Covid-19 tới việc làm, thu nhập, chất lượng cuộc sống và tâm lý của nữ lao động di cư trẻ tuổi. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 110 hộ có nữ lao động di cư 18-35 tuổi quay trở về địa bàn các xã ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự sụt giảm lớn về thu nhập, việc làm, chất lượng cuộc sống và tâm lý của nữ lao động trẻ tuổi khi đại dịch Covid-19 xảy ra. Nghiên cứu này đưa ra một số khuyến nghị chính sách về việc làm, đào tạo nghề và chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần nhằm nâng cao năng lực thích ứng của nữ lao động di cư trẻ tuổi trước các cú sốc về kinh tế - môi trường - dịch bệnh.

Từ khóa: Nữ lao động, di cư, khu vực ven biển, đại dịch Covid-19, tổn thương.

Impacts Of Covid-19 Pandemic on Young Female Migrant Workers in the Coastal area of Thua Thien Hue Province

Abstract

The Covid-19 pandemic has seriously affected all aspects of people's life. Migrant workers returning to the locality during the outbreak, were most vulnerable to the impact of the Covid-19 pandemic. Young female migrant workers, particularly, had a lot of vulnerability and risks when returning to their hometowns. Therefore, this research focused on understanding the impacts of the Covid-19 pandemic on employment, income, quality of life and psychology of young female migrant workers through a survey of 110 households with young female migrant workers who had to return to their localities in 6 communes in the coastal area of Thua Thien Hue province. Research results showed a significant decrease in income, employment, quality of life and anxiety during the Covid-19 pandemic occurrence. Young female migrant workers were difficult to access and receive the supports of the government, as well as how to choose adaptation solutions when the Covid-19 pandemic is under control. Research recommended policies regarding employment, vocational trainings, physical and mental health care to support young female migrant workers to build their adaptive capacity to socio-economic, environmental and pandemic shocks.

Keywords: Migrant workers, coastal areas, Covid-19 pandemic, vulnerability, young females.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, đại dịch Covid-19 gần như đã được kiểm soát tại Việt Nam, song những hậu quả của đại dịch để lại cho đời sống, kinh tế và văn hoá của các cộng đồng trong xã hội không hề

nhỏ (ILO, 2021; IMO, 2020; UNDP, 2021). Đặc biệt là những tác động của đại dịch Covid-19 đối với phụ nữ và trẻ em gái. Trong một nghiên cứu được thực hiện ở Trung Quốc, Hồng Kông và Ấn Độ, phụ nữ được cho là dễ bị tổn thương hơn và có mức độ lo lắng cao gấp ba lần so với nam giới

do các vai trò chăm sóc xã hội, văn hóa và gia đình (Azeez & cs., 2020; Amithy & Jigyasa, 2021; Hung & cs., 2020; Wang & cs., 2021). Khi xem xét bối cảnh văn hóa và xã hội thì Việt Nam cũng như Trung Quốc, Hồng Kông và các quốc gia ở khu vực châu Á, phụ nữ phải có trách nhiệm chính trong nội trợ, nuôi dạy con cái và đảm nhiệm quản lý chi tiêu gia đình. Do vậy, khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra phụ nữ Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn, đáng quan tâm là nữ lao động di cư đi làm ăn xa. Nhiều nghiên cứu cho thấy nữ lao động di cư là một trong những nhóm đối tượng quay trở về địa phương nhiều nhất và dễ bị tổn thương nhất (Titan & cs., 2021; ILO, 2021). Riêng tỉnh Thừa Thiên Huế có đến 25.160 ngàn người trở về trong thời cao điểm của đại dịch, trong đó có 8.571 nữ lao động di cư và gần 5.670 nữ lao động di cư nằm trong độ tuổi 18-35 tuổi chiếm 66,2% (Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, 2021). Hầu hết nữ lao động di cư trẻ tuổi khu vực ven biển tìm kiếm việc làm tại các địa phương khác, bởi sinh kế ven biển rất ít cơ hội việc làm dành cho nữ lao động. Điều kiện đất đai hạn hẹp, khí hậu thời tiết khắc nghiệt và tác động của sự cố môi trường biển Formosa năm 2016 làm cho cuộc sống mưu sinh gặp nhiều rủi ro, di cư lao động là chiến lược sinh kế phổ biến của người dân miền Trung (Nguyễn Ngọc Truyền & cs., 2020; Nguyễn Hoàng Sơn, 2020). Nữ lao động di cư trẻ tuổi quay trở về quê gặp rất nhiều rủi ro và khó khăn khi tìm việc làm mới (Lê Phương Hòa, 2021). Trình độ văn hóa thấp, trình độ tay nghề hạn chế nên công việc bấp bênh, không bảo hiểm xã hội và hợp đồng lao động (Trần Thị Hồng Lan, 2021; Amithy & Jigyasa, 2021). Do đó, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm và thu nhập của nữ lao động di cư trẻ tuổi thông qua khảo sát nữ lao động từ 18-35 tuổi trở về địa bàn 6 xã thuộc 6 huyện ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là những xã ven biển đặc biệt khó khăn, chịu những tổn thương nặng nề của sự cố môi trường biển năm 2016 nên có tỉ lệ người lao động di cư là rất lớn. Chính vì vậy, nghiên cứu này nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực, khả năng phục hồi và thích ứng cho nữ lao động di cư trẻ tuổi tại khu vực ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài ra, nghiên cứu còn gợi ý một số giải pháp

cho nữ lao động di cư trẻ tuổi ở khu vực ven biển Việt Nam hiện nay khi đại dịch Covid-19 qua đi.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Nghiên cứu đã chọn vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế làm điểm nghiên cứu với các lý do, gồm: (i) là địa bàn có tỉ lệ hộ nghèo cao trong cả nước, với gần 10% (Nguyễn Tuấn, 2021) và có đến 27 xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 353/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ (Quyết định số 353/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, 2012); (ii) là địa bàn có tỉ lệ lao động di cư cao của tỉnh Thừa Thiên Huế, đặc biệt sau sự cố môi trường biển Formosa năm 2016 (Nguyễn Ngọc Truyền & cs., 2020); (iii) là địa bàn có tỉ lệ lao động di cư quay về do dịch Covid-19 rất cao, chiếm 35% tổng lao động quay về trên toàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả phỏng vấn sâu cán bộ Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, đề tài đã chọn ra 6 xã: Vinh Hưng, Vinh Hiền, Quảng An, Quảng Công, Quảng Ngạn, và Hải Dương làm điểm nghiên cứu nhằm khai thác được nhiều thông tin giúp cho nghiên cứu đảm bảo độ tin cậy.

2.2. Thu thập và xử lý dữ liệu

Thông tin thứ cấp được thu thập từ các báo cáo liên quan đến tình trạng di cư lao động, tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập và việc làm; dữ liệu liên quan lao động di cư trở về tại địa phương từ Cục Thống kê Kinh tế và Xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế; các bài báo khoa học về tác động của đại dịch Covid-19 xuất bản trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

Thông tin sơ cấp được thu thập qua phỏng vấn nữ lao động di cư (18-35 tuổi) trở về các xã nghiên cứu trong thời gian dịch cao điểm bằng bảng hỏi bán cấu trúc từ tháng 2 đến tháng 5/2022. Tuy nhiên, làn sóng người lao động di cư trở về các tỉnh miền Trung cao điểm từ tháng 6 đến tháng 9/2021, nhưng đến tháng 2/2022 nghiên cứu mới có thể triển khai do tình hình dịch bệnh tại tỉnh Thừa Thiên Huế diễn biến phức tạp. Việc lựa chọn mẫu là nữ lao động di cư trẻ tuổi để khảo sát nghiên cứu còn phụ

thuộc vào diễn biến dịch bệnh và cơ chế kiểm soát của từng xã ở địa bàn nghiên cứu. Do đó, trong quá trình thực hiện khảo sát, nghiên cứu chỉ có thể tiếp cận và khảo sát được tổng số mẫu là 110 nữ lao động di cư trẻ tuổi với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương.

Phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên được áp dụng để chọn nữ lao động di cư từ danh sách người lao động di cư trở về các xã ven biển, trong thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 05/2022 do Sở thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp. Trong trường hợp người lao động di cư bị nhiễm Covid-19 tại thời điểm phỏng vấn, sẽ được bỏ qua và lấy người tiếp theo trong danh sách. Bảng hỏi khảo sát được xây dựng dựa trên kết quả tổng quan tài liệu kết hợp thông tin từ phỏng vấn sâu cán bộ xã. Khảo sát chính thức được tiến hành sau khi khảo sát thử 10 nữ lao động di cư trẻ tuổi tại địa bàn nghiên cứu và điều chỉnh phiếu khảo sát. Sau khi khảo sát hoàn thiện bằng bảng hỏi, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 5 nữ lao động di cư; phỏng vấn 6 cán bộ phụ trách văn hoá thông tin của 6 xã nghiên cứu. Nghiên cứu mong muốn có được những thông tin sâu từ người lao động di cư trở về và cán bộ phụ trách. Ngoài ra, còn nhằm bổ sung những thông tin chưa đầy đủ khi khảo sát bằng bảng hỏi.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả gồm giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và tỉ lệ % để phân tích các chỉ tiêu về loại hình việc làm, thu nhập, biến động thu nhập do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Các ý kiến được thu thập qua phương pháp phỏng vấn sâu được đánh giá bằng phương pháp phân tích nội dung (content analysis method) - tức là các phỏng vấn được mã hóa và phân nhóm thành các chủ đề hoặc các từ khóa (thu nhập, việc làm, tâm lý, thích ứng, giải pháp) sau đó được sử dụng trích dẫn phù hợp để làm rõ các nội dung phân tích của nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của nữ lao động di cư của các xã ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế

Kết quả nghiên cứu cho thấy, độ tuổi trung bình đi làm ăn xa của nữ lao động di cư trẻ tuổi

là 28 tuổi (Bảng 1). Hầu hết nữ lao động di cư trẻ tuổi đi làm ăn xa ở các khu công nghiệp phía nam (Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai...). Đáng chú ý là khi quay trở về quê, họ phải thực hiện đăng ký qua link trực tiếp khai báo của tỉnh trên Hue - S, sau đó được bố trí cách ly và chi phí cách ly được chính quyền địa phương hỗ trợ. Mặc dù, nữ lao động di cư trẻ tuổi nhưng họ có số năm đi làm xa trung bình cao gần 8,5 năm. Điều này khẳng định vai trò đảm nhận kinh tế gia đình của nữ lao động di cư trẻ tuổi, họ chủ động đi làm ăn xa và tìm kiếm thu nhập cho gia đình (Trần Nguyệt Minh Thu & cs., 2014). Mặc dù độ tuổi còn trẻ nhưng trình độ văn hóa của nữ lao động di cư vẫn còn thấp với 38,2% chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở. Trong đó, tỉ lệ nữ lao động di cư trẻ tuổi có trình độ tay nghề chưa qua đào tạo rất cao với 59,1% và trình độ đại học chỉ có 11,8%. Kết quả gần với nghiên cứu trong nước về lao động di cư, khi nữ lao động di cư chủ yếu tốt nghiệp cấp II (56,6%), trình độ đại học chỉ có 12,8% và hầu như chưa qua bất kỳ một chuyên môn hay nâng cao trình độ nào (Trần Nguyệt Minh Thu & cs., 2014; Trần Thị Hồng Minh, 2021). Do đó, đây là yếu tố cần xem xét để nâng cao trình độ tay nghề và chuyên môn cho nữ lao động di cư trẻ tuổi để họ có cơ hội tiếp cận thị trường

Bên cạnh đó, tình trạng hôn nhân thường được xem là yếu tố tác động đến quyết định đi làm ăn xa của nữ lao động di cư trẻ tuổi. Kết quả cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa nữ lao động di cư đã kết hôn và nữ lao động di cư độc thân. Kết quả nghiên cứu cho thấy có đến 59,1% nữ lao động di cư trẻ tuổi đã lập gia đình quyết định đi làm ăn xa, bởi họ là người lo toan, quản lý chi tiêu cho gia đình, áp lực kinh tế khiến họ cũng phải đi làm xa (Đông Thanh Mai & cs., 2021; Trần Nguyệt Minh Thu & cs., 2014). Khi đại dịch Covid-19 xảy ra, tỉ lệ nữ lao động di cư quay trở về địa phương có sự khác nhau giữa nữ lao động di cư lập gia đình (59,1%) và nữ lao động di cư độc thân (41,8%). Mặc dù tỉ lệ chưa thể hiện nhiều sự chênh lệch giữa nữ lao động di cư độc thân và nữ lao động di cư lập gia đình, nhưng phần nào cũng cho thấy nữ lao động có gia đình, vẫn muốn trở về quê vì có tâm lý lo sợ dịch bệnh ảnh hưởng sức khỏe con trẻ. Điều này cũng phù hợp với kết quả các nghiên cứu gần

đây về tác động của đại dịch Covid-19 đến đời sống của phụ nữ và trẻ em gái ở nhiều quốc gia trên thế giới (ILO, 2021; Amithy & Jigyasa, 2021; Hung & cs., 2020). Qua đây cho thấy nữ lao động di cư trẻ tuổi đi làm ăn xa phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tuổi tác, trình độ văn hóa và tình trạng hôn nhân. Trong đó, trình độ văn hóa là yếu tố cần xem xét tác động để nâng cao trình độ tay nghề, chuyển đổi nghề và khả năng tiếp cận thị trường lao động cho nữ lao động di cư để họ có việc làm tốt và thu nhập cao, cuộc sống gia đình phần nào ổn định hơn.

3.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm và thu nhập của nữ lao động di cư trẻ tuổi

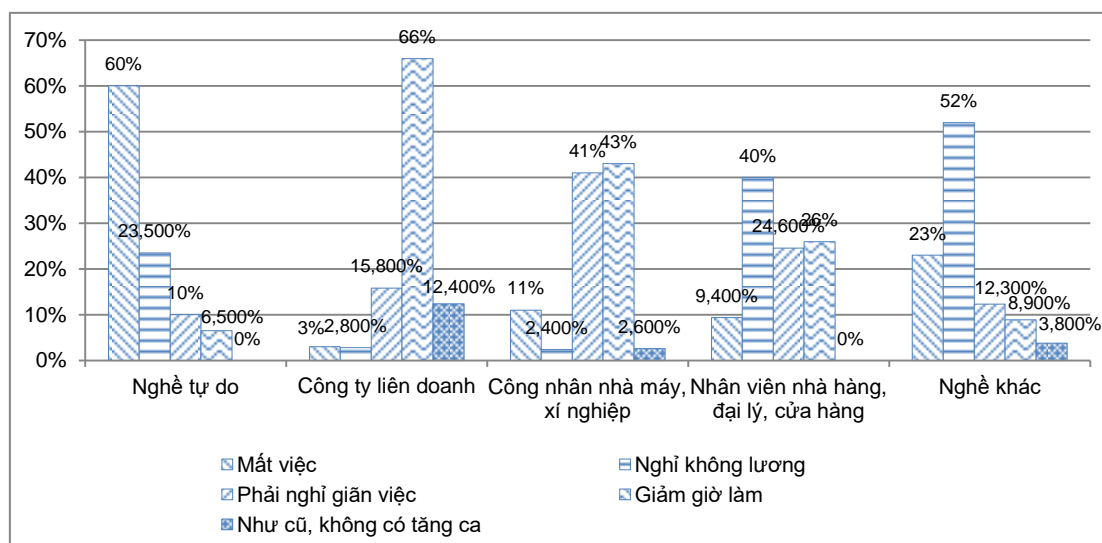
3.2.1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm của nữ lao động di cư trẻ tuổi

Nữ lao động di cư trẻ tuổi đi làm ăn xa mục đích chính là có việc làm ổn định để trang trải cho cuộc sống bản thân và gia đình. Từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát việc làm của nữ lao động di cư trẻ tuổi bị tác động nghiêm trọng (Hình 1). Mức độ tác động cũng có sự khác nhau giữa các loại hình công việc của nữ lao động di cư trẻ tuổi. Kết quả khảo sát cho thấy có 5 nhóm loại hình công việc chính, gồm việc làm tại công ty liên doanh; công nhân nhà máy, xí nghiệp; nhân viên nhà hàng, đại lý, cửa hàng; nghề tự

do (buôn bán hàng rong, vé số, phụ hồ, thu mua phế liệu, thợ cắt tóc...); và các nghề khác (giữ trẻ, giáo viên mầm non, bán bảo hiểm...). Hình 1 cho thấy, tỉ lệ nữ lao động di cư trẻ tuổi ở nhóm nghề tự do bị mất việc cao nhất với 60% và nghỉ việc không có lương là 23,5%. Nhóm nghề bị tác động cao tiếp đến là các ngành nghề khác như công việc của họ chủ yếu ở “kinh tế vỉa hè”, nên gánh chịu những tác động nặng nề của biện pháp giãn cách xã hội khi đại dịch kéo dài, khó khăn về các khoản chi phí sinh hoạt hàng ngày mà không có khoản thu nhập để trang trải. Đây cũng là thời điểm nữ lao động di cư trẻ tuổi quay trở về địa phương sau nhiều tháng nghỉ việc và mất việc làm, tạo nên làn sóng di cư mạnh mẽ. Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng với những nghiên cứu trong nước về tác động của đại dịch Covid-19 đến nữ lao động di cư. Nữ lao động di cư làm việc khu vực phi chính thức bị sa thải, mất việc và giảm thu nhập khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Do đó, nữ lao động di cư là nhóm dễ bị tổn thương nhất trong thị trường lao động (Lê Phương Hòa, 2021; Nguyễn Thị Thanh Hương & Nguyễn Thị Hương Giang, 2020; Trần Thị Hồng Lan, 2021). Do vậy, các chính sách ứng phó và hỗ trợ cho nhóm lao động mất việc, bị giảm giờ làm, nhóm lao động đặc biệt khó khăn cần chú ý hơn đến nữ lao động di cư ở nhóm nghề tự do.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của nữ lao động di cư trẻ tuổi (18-35 tuổi, năm 2022)

Đặc điểm	Nữ LĐDC (n = 110)	Trung bình	Tỉ lệ (%)
Bình quân số năm đi làm ăn xa	110	8,5 (± 3,5)	-
Trình độ văn hóa			
Tiểu học	2	-	1,8
Trung học cơ sở	42	-	38,2
Trung học phổ thông	66	-	60,0
Bình quân số tuổi đi làm ăn xa	110	28,6 (± 6,4)	-
Trình độ tay nghề			
Trung cấp nghề	11	-	10
Khóa đào tạo ngắn hạn	11	-	10
Cao đẳng nghề	11	-	10
Đại học	13	-	11,8
Chưa qua đào tạo	65	-	59,1
Tình trạng hôn nhân			
Độc thân	46	-	41,8
Đã lập gia đình	65	-	59,1



Hình 1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm của nữ lao động di cư trẻ tuổi

Ít bị tác động nhất là nhóm công việc tại các công ty liên doanh. Nhóm công việc này thường đòi hỏi trình độ học vấn và trình độ tay nghề cao. Hầu hết nữ lao động di cư trẻ tuổi ở đây chỉ bị giảm giờ làm tại công ty (60%) hoặc nghỉ giãn việc trong tuần (15,8%) nhưng vẫn được phép làm việc tại nhà. Do đó, tình trạng bị sa thải, mất việc làm ở công ty liên doanh ít hơn so với những nhóm nghề tự do. Nhóm việc làm trong các nhà máy, xí nghiệp cũng có yêu cầu về trình độ, kỹ năng tay nghề và có hợp đồng lao động rõ ràng nên thuộc nhóm ít bị tác động sau nhóm công ty liên doanh. Một điều đáng quan tâm là qua những cuộc thảo luận nhóm nữ lao động di cư trẻ tuổi, được biết họ ít tham gia vào mạng lưới xã hội, tổ chức nơi làm việc và giới thiệu việc làm nên khi dịch bệnh bùng phát, người lao động di cư ít nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức và mạng lưới tại nơi làm việc... Chính vì vậy, một trong những giải pháp lâu dài cho nữ lao động trẻ di cư là giúp họ nhận biết vai trò của việc nâng cao tay nghề. Tiếp cận mạng lưới giới thiệu việc làm, bảo hiểm xã hội và hợp đồng lao động, nâng cao nhận thức cho nữ lao động di cư trẻ tuổi và chủ động thích ứng với hoàn cảnh khó khăn.

3.2.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập của nữ lao động di cư trẻ tuổi

Kết quả khảo sát cho thấy mức thu nhập của nữ lao động trẻ tuổi giảm đáng kể do tác

động của đại dịch Covid-19. Trong đó, nữ lao động di cư trẻ tuổi làm nghề tự do thu nhập giảm ở mức 50%-75% chiếm tỉ lệ lớn với gần 46,3% và hơn 10,1% giảm thu nhập trên 75%. Các biện pháp phong tỏa phòng chống dịch nghiêm ngặt đã làm giảm hẳn các hoạt động thuộc nhóm nghề tự do như phụ hồ, phụ giúp việc nhà, các hoạt động kinh doanh cá nhân bán hàng rong, bán vé số, thẩm mỹ, massage phải ngưng nghỉ lâu dài. Ngoài ra, môi trường làm việc của nữ lao động di cư trẻ tuổi làm nghề tự do chứa nhiều nguy cơ lây nhiễm cao, nên phải thực hiện giãn cách sớm nhất và kéo dài tình trạng ngưng nghỉ lâu nhất. Chính trong khoảng thời gian này, dịch bệnh trầm trọng, số ca nhiễm ngày càng tăng lên. Hơn nữa, nữ lao động di cư trẻ tuổi làm nghề tự do không có bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế rất dễ rơi vào tình trạng căng thẳng và lo lắng khi thời gian nghỉ việc kéo dài. Họ lo sợ dịch bệnh tác động sức khỏe và tính mạng nên quyết định về quê tạo ra làn sóng di cư hồi hương của nữ lao động di cư.

Bên cạnh đó, có 59,2% nữ lao động di cư trẻ tuổi làm việc tại công ty liên doanh thu nhập giảm từ 25-50%. Đây là nhóm nữ có các công việc có thể làm tại nhà trong thời gian giãn cách (văn phòng, thư ký, kế toán) nhưng giảm thu nhập do không có tăng ca. Mức giảm của nhóm này thấp hơn so với các nhóm công việc khác. Đặc biệt, các ý kiến thảo luận cho thấy hầu hết

nữ lao động di cư trẻ tuổi ở nhóm việc làm này đều có hợp đồng dài hạn và bảo hiểm xã hội. Thậm chí nữ lao động di cư trẻ tuổi còn nhận được những hỗ trợ từ nơi làm việc (thực phẩm, hỗ trợ tiền thuê nhà, phương tiện về quê). Qua đây cho thấy sự khác biệt rõ rệt về các lợi ích xã hội giữa nữ lao động di cư trẻ tuổi làm việc tại công ty, doanh nghiệp và nữ lao động di cư trẻ tuổi ở nhóm nghề tự do. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố tác động nhiều nhất đến thu nhập là loại hình công việc và trình độ học vấn của nữ lao động di cư trẻ tuổi. Do đó, để hạn chế những thiệt hại đến thu nhập cho nữ lao động di cư trẻ tuổi trong tương lai cần tập trung nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và nhận thức về tầm quan trọng của việc tiết kiệm thu nhập, hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội.

3.3. Tác động đến chi tiêu và chất lượng cuộc sống của nữ lao động di cư trẻ tuổi

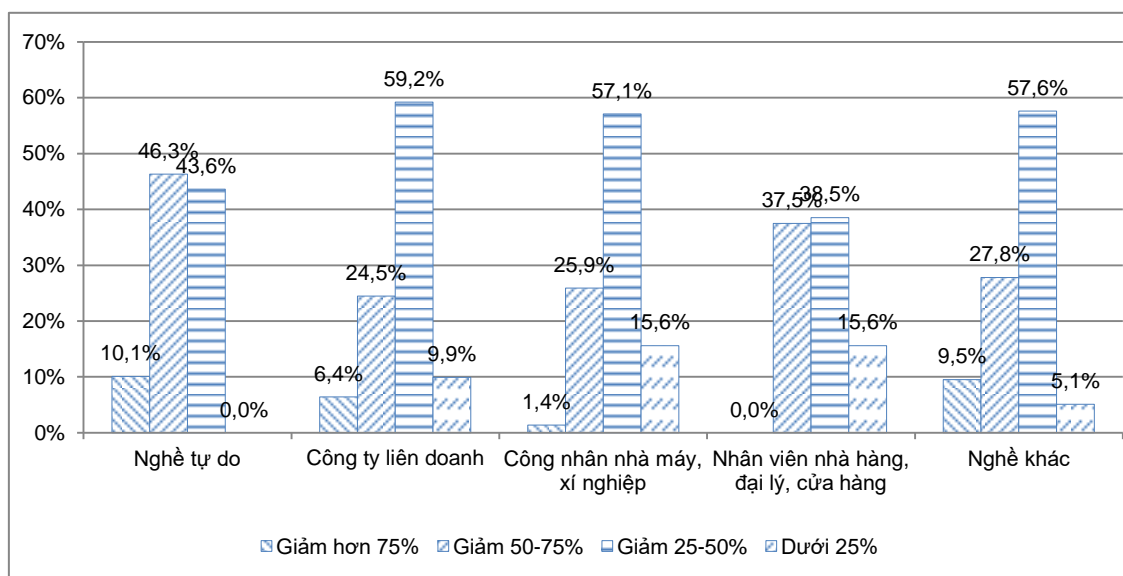
Tại thời điểm nghiên cứu, tình hình đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp từ cuối năm 2021 đến tháng 05/2022 và chưa dự đoán được thời hạn có thể kiểm soát được dịch bệnh. Chính vì vậy, để đảm bảo duy trì cuộc sống trong và sau dịch bệnh, nữ lao động di cư trẻ tuổi chủ động cắt giảm các khoản chi tiêu trong cuộc sống hàng ngày (Bảng 3). Kết quả khảo sát cho thấy, lĩnh vực bị cắt giảm chi tiêu nhiều nhất là giải trí với 55,9% ý kiến. Lý do chính được đưa ra là giai đoạn dịch bệnh căng thẳng họ không thể sử dụng các dịch vụ giải trí bên ngoài như đưa con trẻ đi dã ngoại, du lịch, thăm viếng, cưới hỏi, mua sắm. Hầu hết nữ lao động di cư trẻ tuổi đều lo lắng và cố gắng tiết kiệm chi tiêu để đề phòng rủi ro có thể xảy đến do dịch bệnh. Tuy nhiên, nhiều nữ lao động di cư trẻ tuổi được hỏi cho rằng, do phải sống cách ly tại nhà, hạn chế các hoạt động giải trí, ít tiếp xúc bên ngoài gây nên tình trạng căng thẳng, xung đột mâu thuẫn gia đình tăng lên. Điều này phù hợp với phát hiện trong nghiên cứu của Unicef năm 2020 cho rằng các biện pháp phong tỏa, cách ly, giãn cách tại nhà khiến công nhân lao động mệt mỏi, chán nản, căng thẳng, trầm cảm (Ngô Thị Phương Lê, 2021).

Trong lúc dịch bệnh căng thẳng, sức khỏe được quan tâm hơn hết với 42,3% ý kiến cho rằng họ ưu tiên chi tiêu các khoản liên quan như mua kit test, nước xịt kháng khuẩn, khẩu trang y tế. Ngoài ra, có 31,5% ý kiến không giảm thực phẩm, thậm chí họ còn phải tăng cường mua thêm thức ăn, lương thực thực phẩm dự trữ. Vì vậy chi phí cho sinh hoạt hàng ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, do thu nhập không ổn định nên các chi tiêu cho cuộc sống phụ thuộc lớn vào khả năng tiết kiệm. Không ít trường hợp phải vay mượn để trang trải các khoản chi tiêu hàng ngày. Điều này có thể khiến nữ lao động di cư trẻ tuổi có thể rơi vào tình trạng nợ nần, sau khi đại Covid-19 qua đi. Ngoài ra, có 10,8% nữ lao động được hỏi cho rằng họ buộc phải cắt giảm thực phẩm của gia đình do giãn cách kéo dài. Đặc biệt, đối với nữ lao động di cư trẻ tuổi có con nhỏ, thực phẩm cho con trẻ không được đảm bảo có thể khiến trẻ dễ rơi vào tình trạng bị suy dinh dưỡng. Một số báo cáo và nghiên cứu khác cho thấy, tình trạng trẻ suy dinh dưỡng tăng cao do chế độ dinh dưỡng giảm sút liên quan đến thu nhập giảm, giãn cách xã hội ở khu vực Nam Á, Indonesia, châu Phi (Octavia & Meena, 2021; Kurtz & cs., 2021). Do đó, cần quan tâm hỗ trợ đối với nữ lao động di cư trẻ tuổi đã lập gia đình có con nhỏ, tạo cơ hội ưu tiên tiếp cận các chính sách và chương trình của Nhà nước, cơ quan và tổ chức.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có 15,3% nữ lao động di cư trẻ tuổi giảm chi tiêu ở lĩnh vực học hành của con cái. Đây là minh chứng cho thấy nữ lao động di cư đã kết hôn lo lắng nhiều hơn so với nữ lao động độc thân. Bởi những áp lực các khoản chi phí cho gia đình khi có nhiều thành viên trong gia đình và các khoản chi phí cho con cái học hành (mua máy tính, điện thoại, internet) tăng cao. Thậm chí, nhiều gia đình không có đầy đủ máy móc thiết bị để con cái học khi đại dịch xảy ra. Nhiều nghiên cứu cho thấy, việc cắt giảm chi phí cho học hành của con cái khiến nhiều em không theo kịp kiến thức, khủng hoảng tâm lý và chán nản việc học hành, làm tăng tỉ lệ học sinh bỏ học (Ngô Thị Phương Lê, 2021). Đây cũng là một trong những minh chứng nữ lao động di cư trẻ tuổi đã lập gia

đình phải quay trở về trong thời gian dịch bệnh nhiều hơn nữ lao động di cư độc thân. Việc cắt giảm các khoản chi tiêu đã phần nào tác động đến chất lượng cuộc sống của nữ lao động di cư trẻ tuổi. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy rằng hầu hết nữ lao động được hỏi có ý thức chủ động

giảm chi tiêu để tiết kiệm phòng trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn. Chính đây cũng là bài học để nữ lao động di cư trẻ tuổi xây dựng năng lực quản lý tài chính và phòng tránh những tổn hại, rủi ro khác có thể xảy đến trong tương lai.



Hình 2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập của nữ lao động di cư trẻ tuổi

Bảng 3. Mức giảm chi tiêu theo từng lĩnh vực của nữ lao động di cư trẻ tuổi (% , năm 2022)

Mức giảm chi tiêu theo từng lĩnh vực	Thực phẩm	Học hành	Sức khỏe	Giải trí	Tái đầu tư
Không giảm	31,5	62,2	42,3	3,6	28,8
Giảm rất ít	9,9	12,6	11,7	3,6	6,3
Giảm ít	42,3	9,9	20,7	2,7	17,1
Giảm nhiều	5,4	8,1	12,6	34,2	24,3
Giảm rất nhiều	10,8	7,2	12,6	55,9	23,4

Bảng 4. Tác động của đại dịch Covid-19 đến tâm lý của nữ lao động di cư trẻ tuổi (năm 2022)

Chỉ tiêu	Nữ LĐDC (n = 110)	Tỉ lệ %
Lo sợ nhiễm bệnh	98	89,1
Lo sợ thiếu hụt lương thực, thực phẩm	93	84,5
Lo sợ gia đình ly tán	88	80,0
Lo sợ an toàn cho con trẻ	58	52,7
Lo cạn kiệt tài chính	58	52,7
Lo sợ miệt thị khi quay trở về quê	47	42,7
Lo an ninh trật tự không đảm bảo	38	34,5
Khác	4	3,6

3.4. Tác động của đại dịch Covid-19 đến tâm lý của nữ lao động di cư trẻ tuổi

Dịch bệnh Covid-19 đã khiến số bệnh nhân có vấn đề về tâm thần tăng. Tâm lý lo lắng, bất an của con người là không thể tránh khỏi khi đại dịch xuất hiện (IOM, 2020). Tỷ lệ nữ lao động được hỏi lo sợ bị nhiễm bệnh lên đến 89,1%. Họ lo sợ tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, chưa có thuốc chữa, tốc độ lây lan dịch bệnh rất nhanh và chưa có phương pháp điều trị rõ ràng (Bảng 4). Bên cạnh đó, có đến 84,5% nữ lao động được hỏi bị rơi vào trạng thái căng thẳng, lo sợ thiếu hụt lương thực, thực phẩm và không thể trả phí nhà trọ khi dịch diễn biến phức tạp. Phát hiện này khẳng định kết quả một vài nghiên cứu trước đây thực hiện ở Hồng Kông, Bangladesh, Ấn Độ (Chakraborty, 2021; Hung & cs., 2021; Jasrotia & Meena, 2021).

Ngoài ra, có đến 52,7% nữ lao động di cư trẻ tuổi có gia đình cho rằng cảm thấy căng thẳng, sợ hãi và lo lắng cho con trẻ khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát. Họ lo lắng cho con trẻ không đủ lương thực để ăn, sợ con trẻ không đảm bảo sức khỏe và nguy hiểm tính mạng nếu nhiễm bệnh.

Chính tình trạng dịch bệnh diễn biến phức tạp và khó dự đoán nên nữ lao động di cư trẻ tuổi rơi vào trạng thái căng thẳng. Có đến 80% nữ lao động được hỏi cho rằng căng thẳng cao vì ly tán gia đình vào các khu cách ly, lo sợ cảnh bị phong tỏa kéo dài khi cạn kiệt tài chính (52,7%). Đó cũng chính là những áp lực buộc họ quyết định quay trở về, bất chấp các lệnh phong tỏa và giãn cách nghiêm ngặt. Tuy nhiên, họ cũng đối mặt với những thách thức tâm lý khi về quê và có đến 42,7% ý kiến của nữ lao động trẻ tuổi khi trở về quê lo ngại sự miệt thị của hàng xóm, cộng đồng khi bản thân trở về từ vùng dịch, gây nguy hiểm cho họ. Qua đó cho thấy nữ lao động di cư trẻ tuổi gặp rất nhiều khó khăn và trở ngại không chỉ về tài chính, về vật chất, an ninh mà còn cả về tâm lý, tinh thần. Quay về quê là quyết định cam go, đối mặt với nhiều rủi ro và tổn thương. Do đó, để phần nào giảm thiểu những tác động đến cuộc sống của người lao động di cư, rất nhiều chương trình hỗ trợ của

chính quyền đã thực hiện như hỗ trợ chỗ ở, chăm sóc y tế, lương thực, tiền... Tuy nhiên, cũng cần có giải pháp và chiến lược lâu dài ưu tiên cho nữ lao động di cư trẻ tuổi trở về quê như tạo việc làm, nâng cao nhận thức của người dân địa phương về người lao động di cư trở về từ vùng dịch, nhằm đảm bảo an ninh, ổn định tâm lý và nâng cao hiệu quả phòng chống dịch cho toàn xã hội.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết nữ lao động di cư trẻ tuổi chịu tác động rất lớn do đại dịch Covid-19 đến thu nhập, việc làm, chất lượng cuộc sống và tâm lý. Mức độ tác động phụ thuộc vào nhóm ngành nghề, loại hình công việc mà nữ lao động trẻ kiếm sống. Nhóm nữ lao động trẻ làm việc trong các nhóm ngành nghề tự do, nhân viên nhà hàng, đại lý, cửa hàng là những nhóm bị tác động nặng nhất, bởi công việc bấp bênh và ít có bảo hiểm xã hội. Trong khi đó, nữ lao động di cư làm việc tại công ty liên doanh, nhà máy, xí nghiệp có mức độ tác động thấp hơn, ít bị giảm thu nhập và hưởng đầy đủ bảo hiểm xã hội, trợ cấp của nơi làm việc. Qua đó cho thấy, nữ lao động di cư trẻ tuổi không chỉ tổn thương về kinh tế, về an ninh lương thực và an toàn dịch bệnh cho bản thân và gia đình mà còn tổn thương lớn về tâm lý. Tổn thương tâm lý lớn nhất là lo sợ bị cách ly khỏi gia đình, sự an toàn cho con trẻ (đối với nữ có con trẻ) và sự miệt thị của cộng đồng khi trở về quê từ vùng dịch.

Do đó, ngoài những giải pháp ngắn hạn mà Nhà nước và chính quyền địa phương đã thực hiện như ổn định chỗ ở và đảm bảo an ninh lương thực, ưu tiên cho lao động nữ có con trẻ, cần tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của người dân, hạn chế phân biệt, đối xử với người trở về quê và tăng cường giúp đỡ nhau phòng chống dịch. Về lâu dài, Nhà nước cần có chính sách tăng cường đào tạo lao động chất lượng cao; tạo điều kiện hỗ trợ ưu tiên cho nữ lao động di cư trẻ tuổi tiếp cận công nghệ mới mà xã hội đang cần; tạo các dịch vụ việc làm hấp dẫn để thu hút lực lượng lao động ở lại địa

phương. Bên cạnh đó cần các chương trình, truyền thông hỗ trợ nhằm nâng cao trình độ tay nghề, chuyển đổi nghề, nâng cao hiểu biết về tích lũy và tiết kiệm để phòng ngừa những rủi ro khác có thể xảy ra trong tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Cảm ơn Chương trình nghiên cứu có sự tham gia của cộng đồng (CBPR), Nhóm Nghiên cứu mạnh Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, mã số NCM.ĐHNL.2021.05 đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Azeez E.P.A., Negi D.P., Rani A. & AP S.K. (2020). The impact of Covid-19 on migrant women workers in India. *Eurasian Geography and Economics*. 62: 93-112. doi:10.1080/15387216.2020.1843513.
- Amithy J. & Jigyasa M. (2021). Women, work and pandemic: An impact study of Covid-19 lockdown on working women in India. *Asian Social Work and Policy Review*. doi.org/10.1111/aswp.12240.
- Chakraborty M. (2021). The Impact of Covid-19 on the Migrant Workers and Remittances Flow to Bangladesh. *South Asian Survey*. 28(1): 38-56. doi.org/10.1177/0971523121995365.
- Đông Thanh Mai, Nguyễn Mậu Dũng, Tô Thế Nguyên & Vũ Tiến Vượng (2021). Tác động của dịch bệnh Covid-19 tới lao động di cư: Nghiên cứu trường hợp tại xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. (19): 1343-1352.
- Hayes A.R. & Lee D. (2022). Women, work, and families during the Covid-19 pandemic: Examining the effects of COVID policies and looking to the future. *Journal of Social Issues*. doi.org/10.1111/josi.12510.
- Hung M.S.Y., Lam S.K.K., Chan L.C.K., Liu A.P.S & Chow M.C.M. (2021). The Psychological and Quality of Life Impacts on Women in Hồng Kông during the Covid-19 Pandemic. *Int. J. Environ. Res. Public Health*. 18(13): 6734. doi.org/10.3390/ijerph18136734.
- International Labour Organization (2021). Fewer women than men will regain employment during the Covid-19 recovery says ILO. Retrieved from https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/news/WCMS_813449/lang--en/index.htm on July 14, 2022.
- IOM (2020). Migration-Related Socioeconomic Impacts of Covid-19 on Developing Countries. Retrieved from <https://www.iom.int/resources/migration-related-socioeconomic-impacts-covid-19-developing-countries> on July 20, 2022.
- Jasrotia A. & Meena J. (2021). Women, work and pandemic: An impact study of Covid-19 lockdown on working women in India. *Asian Soc Work Policy*. pp. 282-291. DOI: 10.1111/aswp.12240.
- Kurtz A., Grant K., Marano R., Arrieta A., Grant K., Jr Feaster W., Steele C. & Ehwerhemuepha L. (2021). Long-term effects of malnutrition on severity of Covid-19. *Scientific reports*. 11(1): 14974. doi.org/10.1038/s41598-021-94138-z.
- Lê Phương Hòa (2021). Tác động của đại dịch Covid-19 tới lao động nữ di cư tại khu vực phi chính thức (Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh). Truy cập từ <https://www.vass.gov.vn/nghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Tac-dong-cua-dich-Covid-19-toi-lao-dong-nu-di-cu-tai-khu-vuc-phi-chinh-thuc-171> ngày 10.3.2023.
- Nguyễn Thị Thanh Hương & Nguyễn Thị Hương Giang (2020). Đại dịch Covid-19 tác động đến lao động việc làm ở Việt Nam qua phân tích số liệu thống kê. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Covid-19, đại dịch và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững*. Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Ngô Thị Phương Lê (2021). Covid-19 khoét sâu bất bình đẳng giáo dục toàn cầu. Truy cập từ <http://vns.edu.vn/index.php/en/researches/vietname-se-history-and-society/2290-covid-19-khoet-sau-bat-binh-dang-giao-duc-toan-cau> ngày 10.3.2023.
- Nguyễn Ngọc Truyền, Cao Thị Thuyết, Nguyễn Văn Thành & Lê Thị Hồng Phương (2020) Ảnh hưởng, ứng phó và kết quả phục hồi sinh kế của ngư dân Khai thác thủy sản gần bờ tỉnh Thừa Thiên - Huế sau sự cố môi trường biển (Formosa) năm 2016. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. 9: 142-150.
- Nguyễn Hoàng Sơn (2020). Mô hình sinh kế bền vững nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra ở các xã bãi ngang ven biển khu vực Bình - Trị - Thiên. *Báo cáo Tổng kết đề tài Khoa học và Công nghệ cấp bộ, Đại học Huế*.
- Nguyễn Tuấn (2021). Thừa Thiên Huế: Tích cực hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho lao động trở về từ vùng dịch. Truy cập từ <https://congthuong.vn/thua-thien-hue-tich-cuc-ho-tro-gioi-thieu-viec-lam-cho-lao-dong-tro-ve-tu-vung-dich-165736.html> ngày 10.03.2023.
- Octavia L. & Rachmalina R. (2022). Child Malnutrition during the Covid-19 Pandemic in Indonesia. *Pediatric gastroenterology, hepatology & nutrition*. 25(4): 347-350. doi.org/10.5223/pghn.2022.25.4.347
- Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê

- duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.
- Trần Thị Hồng Lan (2021). Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến lao động di cư khu vực phi chính thức ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Xã hội. 11: 279.
- Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO (2020). Đã đến lúc chúng tôi Việt Nam cũng xuất sắc trong giải quyết các thách thức kinh tế. Truy cập từ https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publication/comments-and-analysis/WCMS_741637/lang--vi/index.htm Covid-19 ngày 10.3.2023.
- Tổ chức Lao động quốc tế - ILO (2020), Đánh giá nhanh tác động của đại dịch Covid-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành nghề chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi. Truy cập từ https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_757928/lang--vi/index.htm ngày 10.03.2023.
- Trần Thị Hồng Minh (2021). Nghiên cứu về vấn đề về giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế ở Việt Nam. Truy cập từ <http://ciem.org.vn/Content/files/Ngi%20C3%AA%20E1%BB%A9u%20v%E1%BA%A5n%20C4%91%E1%BB%81%20gi%E1%BB%9Bi.pdf> ngày 10.03.2023.
- Trần Nguyệt Minh Thu, Đào Thế Sơn & Đặng Thúy Hạnh (2012). Giới và tiền chuyển của lao động di cư. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/10/lao-dong-di-cu-VI.pdf> ngày 10.03.2023.
- Titan L., Minki Kim M., David L. & Mitchell V. (2020). How Should Policy Responses to the Covid-19 Pandemic Differ in the Developing World, Retrieved from <https://econpapers.repec.org/paper/nbrnberwo/27273.htm> on May 14, 2022.
- UNDP (2021). Socio-Economic Impact of Covid-19 on Women Migrant Workers. Retrieved from <https://www.undp.org/library/dfs-socio-economic-impact-covid-19-women-migrant-workers> on July 27, 2022.
- Wang Y., Di Y., Ye J. & Wei W. (2021). Study on the public psychological states and its related factors during the outbreak of coronavirus disease 2019 (Covid-19) in some regions of China. *Psychology, health & medicine*. 26(1): 13-22. doi.org/10.1080/13548506.2020.1746817.